

Bá Thước, ngày 15 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 60/2018/TLST/ HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2018 giữa :

Nguyên đơn: Anh Bùi Công T ; Sinh năm: 1973

Nơi cư trú: Thôn N , xã L X , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Trương Thị Sinh năm: 1975

Nơi cư trú: Thôn N, xã L X , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : Ngân hàng chính sách Xã hội huyện
B T

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàn H - Phó giám đốc.

Địa chỉ : Phố 1, thị trấn C N , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Anh Trương Văn T Sinh năm 1975

Nơi cư trú : Thôn N , xã L X , huyện B T c, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Bùi Công T và chị Trương Thị N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh Bùi Công T và chị Trương Thị N đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Bùi Công T và chị Trương Thị N có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc A sinh năm 1992(đã thành niên)

- *Về tài sản*: Anh Bùi Công T và chị Trương Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Bùi Công T và chị Trương Thị N công nhận có khoản nợ chung gồm : Nợ anh Trương Văn T 45.000.000đ và nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T 6.000.000đ(Sáu triệu đồng) và lãi phát sinh từ ngày 04/6/2018. Các đương sự thống nhất tự nguyện thỏa thuận như sau:

Chị Trương Thị N có trách nhiệm trả cho anh Trương Văn T 23.000.000đ(Hai mươi ba triệu đồng) và trả cho Ngân hàng chính sách Xã hội huyện B T 3.000.000đ (tiền vay nước sạch và lãi phát sinh tương ứng với gốc ba triệu tính từ 04/6/2018 cho đến khi thanh toán xong).

Anh Bùi Công T có trách nhiệm trả cho anh Trương Văn T 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) và trả cho Ngân hàng chính sách Xã hội huyện B T 3.000.000đ (tiền vay nước sạch và lãi phát sinh tương ứng với gốc ba triệu tính từ 04/6/2018 cho đến khi thanh toán xong).

- *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Bùi Công T và chị Trương Thị N tự nguyện thỏa thuận: Anh Bùi Công T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí của số tiền phải trả nợ là 25.000.000đ(Hai mươi lăm triệu đồng) là 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Tổng tiền án phí anh Thạch phải chịu là 775.000đ (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm anh đã nộp 300.000đ tại biên lai thu số: AA/2017/0002775 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước. Anh Bùi Công Thạch còn phải nộp 475.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Chị Trương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải trả nợ là 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) là 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND;
-;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên

